

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

LÝ VĂN QUYỀN

**PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM
DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số : 62 38 01 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Trường Đại học Luật Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lê Thị Sơn
PGS.TS Dương Tuyết Miên

Phản biện 1: GS.TS Võ Khánh Vinh
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Văn Huyền
Học viện Tư pháp

Phản biện 3: TS. Trần Mạnh Đạt
Bộ Tư pháp

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường,
họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội**

Vào hồi giờ , ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội**

**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lý Văn Quyền (2005), "Vai trò của tòa án trong việc phòng ngừa tội phạm", *Tạp chí Luật học*, (6), tr. 38-43.
2. Lý Văn Quyền (2011), "Tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Luật học*, (3), tr. 47-53.
3. Lý Văn Quyền (2013), "Nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam", *Tạp chí Luật học*, (8), tr. 35-44.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nữ giới ở Việt Nam là một lực lượng căn bản, nguồn nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển toàn diện xã hội. Trải qua hàng nghìn năm xây dựng vì sự toàn vẹn lãnh thổ, đấu tranh chống thiên tai, duy trì nòi giống, phụ nữ Việt Nam luôn phát huy những đức tính quý báu mang đậm bản sắc truyền thống như đức tính tần tảo, chịu khó, biết hi sinh vì chồng con, coi trọng cuộc sống gia đình, coi trọng hôn nhân.

Ở Việt Nam, nữ giới chiếm 51% lực lượng lao động trong đó nữ giới ở nông thôn vẫn đóng vai trò chính trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; bên cạnh đó, nữ giới (nhất là phụ nữ) vẫn đóng vai trò chính trong công việc gia đình và nuôi dạy con cái, phụng dưỡng cha mẹ khi về già. Xã hội ngày càng phát triển, nữ giới càng có nhiều cơ hội được học tập, công tác, cải thiện vị trí của mình trong gia đình và xã hội, được cống hiến nhiều hơn cho xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm kể trên, trong những năm gần đây, tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện đã có xu hướng gia tăng, bộc lộ nhiều đặc điểm nghiêm trọng cả về thực trạng và diễn biến. Vấn đề nữ giới phạm tội ở Việt Nam đã phản ánh khá rõ những đặc điểm về xã hội Việt Nam những năm gần đây cũng như phản ánh được tính riêng biệt về tâm sinh lý giới nữ của những người phạm tội nữ. Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tối cao, trên phạm vi toàn quốc năm 1995 có 4.151 người phạm tội nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự thì đến năm 2002 con số này là 5.603 người, tăng lên 135% so với năm 1995; Năm 2003 trên phạm vi toàn quốc có 6.543 người phạm tội nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự thì đến năm 2007 con số này là 7.231 người, tăng lên 111%, năm 2012 con số này là 6.895 người tăng lên 105 % so với năm 2003. Tính trung bình, mỗi năm có khoảng 6.570 người phạm tội nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự. Các tội phạm do nữ giới thực hiện ngày càng đa dạng và

xảy ra ở tất cả các địa phương nhưng tập trung chủ yếu là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Các tội phạm do nữ giới thực hiện có mức độ cao hơn cả là tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; tội đánh bạc; tội trộm cắp tài sản; tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội chứa mại dâm; tội cố ý gây thương tích; tội cướp giết tài sản; tội cướp tài sản; tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; tội môi giới mại dâm; tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tội giết người; tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả và tội mua bán phụ nữ (nay là tội mua bán người).

Trước tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ngày càng phức tạp, hơn nữa từ năm 2003 đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu về vấn đề này trên phạm vi cả nước, do vậy việc nghiên cứu một cách toàn diện vấn đề nữ giới phạm tội ở Việt Nam dưới góc độ tội phạm học là cần thiết nhằm tìm ra giải pháp kim chế sự gia tăng và làm giảm tội phạm nói chung cũng như tội phạm do nữ giới thực hiện nói riêng. Vì vậy, tác giả đã chọn và nghiên cứu đề tài: "*Phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam*" làm luận án tiến sĩ.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là đưa ra được hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện để kiềm chế sự gia tăng tội phạm và làm giảm dần nữ giới phạm tội ở Việt Nam trong những năm tiếp theo.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề cần xem xét, làm rõ trong quá trình nghiên cứu đề tài này, bao gồm tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện; nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện và các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện.

Về phạm vi nghiên cứu, luận án nghiên cứu dưới góc độ tội phạm học: Tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong 10 năm từ năm 2003 đến năm 2012.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Xét về mặt lý luận, hầu hết các vấn đề được trình bày, phân tích trong luận án là những vấn đề mới lần đầu tiên được nghiên cứu một cách có hệ thống. Việc nghiên cứu thành công các vấn đề đó có thể được coi là một đóng góp đáng ghi nhận vào tội phạm học Việt Nam.

Về thực tiễn, việc nghiên cứu, đánh giá được các đặc điểm tội phạm học của tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện trên phạm vi toàn quốc giai đoạn 2003 - 2012 và xác định được các nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện ở nước ta trong giai đoạn này có ý nghĩa thiết thực đối với thực tiễn phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện. Đặc biệt trong việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện trên cơ sở xác định những tồn tại, hạn chế của hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đấu tranh chống tội phạm do nữ giới thực hiện và trong công tác giáo dục, cải tạo người phạm tội là nữ.

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Qua việc tìm hiểu đánh giá kết quả các công trình nghiên cứu trước đây ở nước ngoài có liên quan trực tiếp đến phạm vi nghiên cứu đề tài, cho thấy các công trình được nghiên cứu ở những phương diện, góc độ khác nhau như: Sinh học, tâm lý học, xã hội học và liên ngành. Các công trình này đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí là trái ngược. Do đó, vấn đề tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam đã giành được sự quan tâm đáng kể của các nhà nghiên cứu khoa học pháp lý, tuy nhiên vấn đề này chưa được nghiên cứu tập trung, toàn diện và có hệ thống. Dựa vào các kết quả nghiên cứu các công trình này không thể đánh giá được tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong thời gian của 10 năm gần đây, để tạo cơ sở cần thiết cho việc xác định các nguyên nhân của loại tội phạm này cũng như đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu

quả phòng ngừa tội phạm này ở Việt Nam trong thời gian tới. Đó cũng chính là những vấn đề khái quát chưa được nghiên cứu trong các công trình trước đây.

2. Mục tiêu và nội dung nghiên cứu

* Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là đánh giá được tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012; xác định được nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012; đề xuất được các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam.

* Nội dung nghiên cứu

Để đạt mục tiêu trên, luận án cần tập trung nghiên cứu những nội dung sau:

Thứ nhất, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012.

Thứ hai, xác định, phân tích các nhân tố là nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012.

Thứ ba, trên cơ sở hai nội dung nêu trên, đưa ra những dự báo về thực trạng và diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong những năm tới và đề xuất các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện nhằm loại trừ hoặc hạn chế các nhân tố là nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện, góp phần làm giảm tội phạm trong xã hội.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tổng quát của đề tài này là phương pháp nghiên cứu thực nghiệm các vấn đề liên quan đến tội phạm do nữ giới thực hiện. Phù hợp với đối tượng nghiên cứu được xác định, các loại nghiên cứu khác nhau xét về chức năng được thực hiện trong luận án. Đó là nghiên cứu mô tả để làm rõ tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012; nghiên cứu giải thích để xác định các

nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012; nghiên cứu về dự báo để dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong thời gian tới và nghiên cứu về giải pháp để xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam. Để thực hiện được các loại nghiên cứu này, các phương pháp nghiên cứu cụ thể thích hợp đã được lựa chọn và sử dụng. Tiêu biểu là các phương pháp nghiên cứu cụ thể thuộc các nhóm phương pháp thu thập dữ liệu, phương pháp xử lý dữ liệu và phương pháp kiểm chứng giả thuyết. Ngoài ra, một số phương pháp khác còn được sử dụng kết hợp với các phương pháp nêu trên trong việc giải quyết các nội dung nghiên cứu của đề tài, đó là các phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh.

4. Những đóng góp mới của luận án

Luận án là công trình khoa học nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam hiện nay.

Trong các nội dung nghiên cứu, luận án đã phân tích làm rõ được tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2012, khái quát một số đặc điểm cơ bản như sau: Nữ giới phạm tội chiếm tỉ lệ 7,3% trong tổng số người phạm tội. Tội phạm do nữ giới thực hiện luôn chiếm tỉ lệ cao là tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (23,99%), tội đánh bạc (20,71%) và tội trộm cắp tài sản (12,82%). Các tội phạm do nữ giới thực hiện có xu hướng tăng cao trong giai đoạn này là: Tội môi giới mại dâm, tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc và tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Người chưa thành niên phạm tội là nữ năm 2012 tăng gấp đôi so với năm 2003 và so với người chưa thành niên phạm tội là nam thì số người chưa thành niên phạm tội là nữ có xu hướng tăng với mức độ cao hơn.

Đồng thời, luận án đã lí giải được về cơ bản những nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2012. Đó là những tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội; những tác động tiêu cực trong môi trường giáo dục gia đình, nhà trường

và xã hội; những hạn chế thiếu sót trong việc quản lí các đối tượng nữ có nguy cơ phạm tội cao; những hạn chế thiếu sót của các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động chống tội phạm và giáo dục cải tạo phạm nhân nữ.

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện, nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện và dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam đến năm 2020, luận án đã đưa ra các biện pháp để phòng ngừa đối với tội phạm do nữ giới thực hiện trong những năm tiếp theo. Các biện pháp này nhằm loại trừ hoặc hạn chế nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện. Trong đó có một số biện pháp quan trọng như: Phát triển kinh tế tạo việc làm để có thu nhập ổn định cho lao động nữ; hạn chế các tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm, cờ bạc; đấu tranh chống bất bình đẳng giới; tăng cường quản lí đối tượng nữ có nguy cơ phạm tội cao (người nghiện các chất ma túy và người có tiền án tiền sự); nâng cao hiệu quả công tác cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với phạm nhân nữ.

Vấn đề quan trọng trong phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện là cần loại trừ hoặc hạn chế những nguyên nhân từ đời sống xã hội dẫn đến nữ giới phạm tội. Mục đích của việc phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện chính là đem lại cho họ một tương lai tươi sáng hơn và việc đem lại tương lai tốt đẹp cho họ chính là đem lại tương lai cho xã hội và cho chính chúng ta.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

Chương 1

TÌNH HÌNH TỘI PHẠM DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2003 - 2012

Tình hình tội phạm là một nội dung nghiên cứu quan trọng của đề tài về phòng ngừa tội phạm, bởi vì để giải thích được nguyên nhân của tội

phạm và đưa ra được những biện pháp phòng ngừa tội phạm, trước hết phải dựa trên cơ sở nghiên cứu làm sáng tỏ tình hình tội phạm. Nghiên cứu tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện cần phải làm rõ thực trạng và diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện trong đơn vị không gian và đơn vị thời gian nhất định.

1.1. Thực trạng của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012

Nghiên cứu thực trạng của tội phạm không chỉ nghiên cứu đặc điểm "định lượng" mà còn phải nghiên cứu đặc điểm "định tính" của thực trạng của tội phạm. Đánh giá về thực trạng của tội phạm do nữ giới thực hiện không chỉ đánh giá thực trạng về mức độ mà còn đánh giá cả thực trạng về tính chất của tội phạm do nữ giới thực hiện.

1.1.1. Thực trạng về mức độ của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012

Tác giả nghiên cứu thực trạng của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2012 xét về mức độ được thể hiện như sau:

Thứ nhất, ở nước ta trong 10 năm từ năm 2003 đến năm 2012, đã xét xử 65.704 bị cáo nữ. Trung bình, mỗi năm có khoảng 6.570 bị cáo nữ bị xét xử sơ thẩm hình sự. Và cũng trong giai đoạn này, trên phạm vi toàn quốc Tòa án các cấp đã xét xử sơ thẩm tổng số 906.827 bị cáo trong đó có 65.704 bị cáo nữ chiếm tỉ lệ 7,3% và 841.123 bị cáo nam chiếm tỉ lệ 92,7% so với tổng số bị cáo, tức là mức độ của tội phạm do nữ giới thực hiện thấp hơn mức độ của tội phạm do nam giới thực hiện ở nước ta trong giai đoạn này.

Thứ hai, chỉ số người phạm tội nữ trung bình trong giai đoạn 2003 - 2012 là 15. Điều này có nghĩa là cứ 100.000 người nữ thì có 15 người nữ thực hiện hành vi phạm tội. Cũng trong giai đoạn này chỉ số người phạm tội nam trung bình năm là 201. So sánh chỉ số người phạm tội nữ với chỉ số người phạm tội nam cho thấy chỉ số người phạm tội nam gấp hơn 12 lần

chỉ số người phạm tội nữ. Thực trạng nữ giới phạm tội ít hơn nam giới phạm tội đã và đang tồn tại cho đến thời điểm hiện nay. Giải thích nữ giới phạm tội ít hơn so với nam giới phạm tội có thể là do nữ giới phải đảm đương việc lao động sản xuất, công tác như nam giới, nhưng trọng trách chính của nữ giới vẫn làm những công việc gia đình. Và công việc hàng ngày ở nhà đã giữ chân họ nên ít có cơ hội phạm tội.

Thứ ba, người phạm tội nữ ảm chiếm khoảng dưới 48,8% trong tổng số người phạm tội nữ.

1.1.2. Thực trạng về tính chất của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012

Nghiên cứu thực trạng về tính chất của tội phạm do nữ giới thực hiện là nhận thức các đặc điểm định tính thuộc nội dung bên trong của tình hình tội phạm. Để có thể đánh giá được toàn diện thực trạng về tính chất của tội phạm do nữ giới thực hiện, tác giả phải lựa chọn các đặc điểm của loại tội phạm này là tiêu thức xác định cơ cấu của tội phạm này. Các cơ cấu được xác định theo các tiêu thức khác nhau sẽ phản ánh ở mức độ nhất định thực trạng về tính chất của tội phạm này, đồng thời sẽ tạo cơ sở xác định nguyên nhân của tội phạm được trình bày trong chương tiếp theo của luận án. Qua nghiên cứu các thông số về cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2012 có thể rút ra những đặc điểm về tính chất của tội phạm do nữ giới thực hiện như sau:

Thứ nhất, có ba nhóm tội phạm do người nữ giới thực hiện luôn chiếm tỉ lệ cao là các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (38,42%); các tội phạm về ma túy (24,37%) và các tội xâm phạm sở hữu (23,51%).

Thứ hai, các tội do người nữ giới thực hiện luôn chiếm tỉ lệ cao là tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy chiếm 23,99%; tội đánh bạc chiếm 20,71% và tội trộm cắp tài sản chiếm 12,82%.

Thứ ba, tội phạm do nữ giới thực hiện xảy ra ở địa bàn trọng điểm là các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh (13,60%), Hà Nội (10,62%), tiếp sau là một số địa phương như: Tây Ninh (4,19%), Đồng Nai (3,39%), Nghệ An (2,74%), Sơn La (2,45%), Kiên Giang (2,35%), Quảng Ninh (2,26%), Hải Phòng (2,18%).

Thứ tư, tội phạm do nữ giới thực hiện có tính chất và mức độ nguy hiểm phổ biến là tội ít nghiêm trọng và tội nghiêm trọng chiếm 63,18%.

Thứ năm, tội phạm do nữ giới thực hiện dưới hình thức đồng phạm chiếm tỷ lệ cao là 48,46%, trong đó phạm tội có tổ chức chiếm tỷ lệ 8,3%.

Thứ sáu, hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội nữ chủ yếu là hình phạt tù có thời hạn (62,19%) và hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo (30,74%).

Thứ bảy, động cơ và mục đích phạm tội của người phạm tội nữ phần lớn xuất phát từ muốn kiếm tiền đáp ứng nhu cầu về kinh tế của gia đình hoặc kiếm nhiều tiền để làm giàu hoặc kiếm tiền để thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy (74,2%).

Thứ tám, độ tuổi người phạm tội nữ chiếm tỉ lệ cao nhất là từ 18 tuổi đến 45 tuổi (84,18%).

Thứ chín, người phạm tội nữ ở nước ta chủ yếu là không có nghề nghiệp (33,9%) và làm nông nghiệp (22,29%).

Thứ mười, trình độ học vấn của người phạm tội nữ chủ yếu là không biết chữ, bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở (73,34%).

Thứ mười một, đa số người phạm tội nữ thuộc trường hợp phạm tội lần đầu (85,38%).

Thứ mười hai, hoàn cảnh gia đình của người phạm tội nữ phần lớn là có chồng (91,70%) và có con (98,22%). Mức sống của gia đình người phạm tội nữ hầu hết là mức sống trung bình và thấp (96,47%).

Thứ mười ba, hậu quả phổ biến nhất do các tội phạm do nữ giới thực hiện gây ra là thiệt hại về vật chất (39,63%) và thiệt hại khác như thiệt hại về tinh thần hoặc gây ra các biến đổi khác (49,54%).

Thứ mười bốn, các tội phạm do nữ giới thực hiện có nạn nhân phần lớn là cá nhân chiếm 97,29% và nạn nhân là người không quen biết từ trước chiếm 72%.

1.2. Diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012

Phân tích diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện cho phép xác định được quy luật vận động của tội phạm theo thời gian trong một đơn vị thời gian và đơn vị không gian nghiên cứu. Trên cơ sở nhận thức đúng quy luật vận động tội phạm do nữ giới thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, cho phép dự báo xu hướng vận động của tội phạm do nữ giới thực hiện trong những năm tiếp theo.

1.2.1. Diễn biến về mức độ của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012

Nghiên cứu diễn biến về mức độ của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012 có thể rút ra một số đặc điểm như sau:

Thứ nhất, diễn biến của số người phạm tội nữ ít biến động, xu hướng chung là tăng nhẹ, so với năm 2003 số năm có mức độ tăng (5 năm) nhiều hơn số năm có mức độ giảm (4 năm). Mức độ gia tăng bình quân năm số người phạm tội nữ là 0,53%.

Thứ hai, diễn biến của số người phạm tội nữ trong giai đoạn này có mức độ gia tăng bình quân năm (0,53%) thấp hơn so với diễn biến của số người phạm tội nữ trong giai đoạn trước từ năm 1995 đến năm 2002 có mức độ tăng bình quân năm là 3,04%.

Thứ ba, diễn biến của số nữ giới phạm tội so với số nam giới phạm tội hàng năm trong giai đoạn này là khác nhau, trong khi xu hướng chung của số người phạm tội nữ là tăng nhẹ, có nhiều năm có mức độ giảm so với năm 2003 thì xu hướng chung của số người nam phạm tội nam là tăng cao dần rõ rệt, tất cả các năm đều có mức độ tăng, mức độ tăng bình quân năm là 5,9%, tức là nam giới phạm tội tăng gấp khoảng 11 lần so với mức độ tăng của nữ giới phạm tội.

Thứ tư, diễn biến của tội phạm nói chung và của số người phạm tội nữ nói riêng thay đổi tăng giảm hàng năm do nhiều yếu tố nhưng có 2 yếu tố cơ bản tác động. Đó là tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới làm cho nền kinh tế nước ta tăng trưởng chậm lại, nhiều doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ như ngành dệt may, giày da, chế biến... ngừng hoạt động hoặc giảm quy mô sản xuất, tỉ lệ nữ thất nghiệp ở mức cao là vấn đề nổi cộm nhất của xã hội làm cho diễn biến của số người phạm tội nữ gia tăng trong các năm 2007, 2008, 2009; nữ giới phạm tội giảm trong năm 2010 và 2011 có thể do Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự ngày 19/6/2009 có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2010 đã không xử lý về hình sự đối với những hành vi mà nữ giới thực hiện nhiều.

1.2.2. Diễn biến về tính chất của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012.

Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam giai đoạn 2003 - 2012 theo nhóm tội, theo tội danh và theo đối tượng là người chưa thành niên phạm tội nữ cho thấy một số đặc điểm như sau:

* Diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện theo 14 nhóm tội được quy định trong các chương của Bộ luật hình sự. Trong 14 nhóm tội này thì có 2 nhóm (chương XXIII, chương XXIV) không có người phạm tội nữ bị xét xử và 4 nhóm (chương XI, chương XIII, chương XV và chương XXII) có số người phạm tội nữ bị xét xử rất ít trung bình dưới 10 người trong 1 năm. Với số người phạm tội nữ ít như vậy không đủ độ tin cậy để đánh giá diễn biến của tội phạm. Do vậy, luận án chỉ đánh giá diễn biến của 8 nhóm tội còn lại. Trong 8 nhóm tội thì có 6 nhóm vận động theo chiều hướng tăng và 2 nhóm vận động theo chiều hướng giảm. Cụ thể: 6 nhóm tội vận động theo chiều hướng tăng, trong đó có 3 nhóm tội tăng nhanh là các tội phạm về chức vụ (Chương XXI); các tội phạm về môi trường (Chương XVII) và các tội xâm phạm an toàn công cộng,

trật tự công cộng (Chương XIX) có mức độ tăng bình quân năm lần lượt là 20,4%; 14,87%; 7,99%. Tiếp theo là 3 nhóm có mức độ tăng thấp hơn bao gồm: Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Chương XX); các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Chương XVI) và các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV) có mức độ tăng bình quân năm lần lượt là 3,5%; 1,29% và 0,23%.

Hai nhóm tội vận động theo chiều hướng giảm bao gồm: Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Chương XII) và các tội phạm về ma túy (Chương XVIII) có mức độ giảm bình quân năm lần lượt là 8,53% và 4,24%.

* Diễn biến của 15 tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2012 cho thấy 9 tội có diễn biến theo xu hướng tăng và 6 tội có diễn biến theo xu hướng giảm. Trong 9 tội có diễn biến theo xu hướng tăng thì có 4 tội có mức độ gia tăng cao (trên 5%) bao gồm: Tội môi giới mại dâm (Điều 255); tội đánh bạc (Điều 248); tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (Điều 202) và tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (Điều 249), có mức độ tăng bình quân năm lần lượt là 21,43%; 18,47%; 9,6% và 6,38%. Và trong 6 tội có diễn biến theo xu hướng giảm thì có 3 tội có mức độ giảm sâu bao gồm: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104); tội giết người (Điều 93); tội cướp giật tài sản (Điều 136) có mức độ giảm bình quân năm lần lượt là 10,74%; 10,78%; 15,25%.

* Diễn biến của số người chưa thành niên phạm tội là nữ ở nước ta giai đoạn 2003 - 2012 có xu hướng tăng nhanh, mức độ tăng bình quân năm là 8%. So với diễn biến của số người chưa thành niên phạm tội là nam, mức độ tăng bình quân năm là 5,46% thì người chưa thành niên phạm tội là nữ có xu hướng tăng với mức độ cao hơn (2,54%), đó là một vấn đề đáng lo ngại. Diễn biến của số người chưa thành niên phạm tội tăng cao ở nước ta trong những năm vừa qua có thể do những yếu tố sau: Trẻ em gái bỏ học cao hơn trẻ em nam ngoài yếu tố kinh tế còn do không

ít gia đình nhất là ở nông thôn còn tư tưởng trọng nam kinh nữ nên không đầu tư cho con gái đi học mà chỉ đầu tư cho con trai. Tình trạng li hôn tăng khiến con cái nhất là con gái mất chỗ dựa tinh cảm, thường rơi vào trạng thái tâm lý tiêu cực và có những phản ứng tiêu cực như chống đối, quậy phá, bỏ nhà đi lang thang, tham gia vào tệ nạn xã hội hoặc phạm tội. Do cha mẹ thiếu trách nhiệm hoặc không có phương pháp nuôi dạy con gái dẫn đến hư hỏng, hình thành lối sống ăn bám, sự lười biếng hoặc đờ đẫn trở lên lì lợm, bướng bỉnh. Sự căng thẳng, xung đột có chiều hướng gia tăng trong xã hội, mâu thuẫn giữa con người với con người, nạn bạo hành gia đình vẫn còn phổ biến mà nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và con gái. Sự gia tăng của các hiện tượng tiêu cực trong xã hội (ma túy, mại dâm và cờ bạc). Sự kiểm tra giám sát xã hội đối nữ giới giảm đi. Và ảnh hưởng tiêu cực từ game bạo lực, trang web đen, phim, ảnh, sách không lành mạnh.

Chương 2

NGUYÊN NHÂN CỦA TỘI PHẠM DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM

Cũng như tội phạm nói chung, tội phạm do nữ giới thực hiện là hiện tượng xã hội. Do vậy, tội phạm do nữ giới thực hiện là hiện tượng xã hội mang nội dung, bản chất xã hội, có nguồn gốc, nguyên nhân ở trong xã hội. Cách tiếp cận và nghiên cứu nguyên nhân từ xã hội của tội phạm ngày càng thể hiện là xu hướng phổ biến và có ý nghĩa rộng rãi. Theo cách tiếp cận này, cần thiết phải nghiên cứu về người phạm tội với ý nghĩa là sản phẩm của xã hội và môi trường xã hội trong đó tội phạm đã xảy ra làm cơ sở cho việc xác định các nguyên nhân của tội phạm.

Nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện cần xác định được những yếu tố tác động tiêu cực từ môi trường sống, những yếu tố tác động này có thể đã được người phạm tội nữ tiếp nhận trở thành thuộc tính lệch lạc trong nhân cách và những hoàn cảnh, tình huống sống

tiêu cực có thể đã làm phát sinh tội phạm ở nữ giới. Nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện, có thể được chia làm 4 nhóm cơ bản sau:

2.1. Nguyên nhân về kinh tế - xã hội

Những nguy cơ và những tác động tiêu cực từ mặt trái của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, của quá trình mở cửa và hội nhập tác động trực tiếp dẫn đến nữ giới phạm tội như:

Thứ nhất, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm hoặc có việc làm không ổn định hoặc có thu nhập thấp đã tác động, ảnh hưởng đến việc phạm tội của nữ giới.

Thứ hai, tác động tiêu cực từ mặt trái của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa đối với việc nữ giới phạm tội.

Thứ ba, tác động tiêu cực của tệ nạn xã hội thời kì mở cửa ảnh hưởng nhất định đến việc phạm tội của nữ giới.

2.2. Nguyên nhân về văn hóa - giáo dục

Những yếu kém, hạn chế trong công tác văn hóa, giáo dục ở môi trường như:

Thứ nhất, tác động tiêu cực trong môi trường giáo dục gia đình có thể ảnh hưởng đến nữ giới phạm tội như sau:

- Một số gia đình không đầy đủ gây khó khăn cho việc giám sát, quản lý con gái.

- Một số gia đình, cha mẹ thiếu trách nhiệm trong việc nuôi dạy con gái.

- Một số gia đình, cha mẹ không có phương pháp giáo dục con gái phù hợp.

- Một số gia đình, cha mẹ lôi kéo con gái tham gia vào hoạt động phi pháp và phạm tội.

Thứ hai, bên cạnh tác động tiêu cực từ giáo dục trong gia đình, một nguyên nhân khác phải kể đến đó là tác động tiêu cực từ giáo dục trong nhà trường như:

- Tình trạng thiếu trường, lớp không chỉ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa mà ngay tại các thành phố lớn, việc trẻ em không được đi học, được sự giáo dục của các thầy cô còn gặp nhiều khó khăn.

- Chương trình giáo dục chưa thực hiện đúng quan điểm giáo dục toàn diện, học đi đôi với hành.

- Tình trạng học sinh thất học, bỏ học tăng theo cấp học đang rất lo ngại mà nguyên nhân chủ yếu từ phía nhà trường.

- Việc đào tạo nghề chưa được quan tâm từ phía nhà trường cũng như xã hội.

Thứ ba, tác động tiêu cực từ hạn chế về giáo dục, tuyên truyền pháp luật và phát triển văn hóa trong môi trường xã hội có thể làm phát sinh tội phạm của nữ giới. Cụ thể là những hạn chế sau:

- Hạn chế về công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho người dân đủ mọi đối tượng.

- Do chưa được giáo dục tốt về bình đẳng giới nên tình trạng bạo lực gia đình, ngược đãi hoặc khinh rẻ nữ giới vẫn còn tồn tại khá phổ biến trong xã hội.

2.3. Nguyên nhân trong quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Những điều kiện thuận lợi cho việc phạm tội của nữ giới bao gồm những nhân tố sau:

Thứ nhất, những hạn chế, thiếu sót trong việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu (đặc biệt là ở các thành phố lớn) trong bối cảnh của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa.

Thứ hai, những hạn chế, thiếu sót trong việc quản lý các đối tượng có nguy cơ phạm tội cao (người nghiện các chất ma túy và người có tiền án, tiền sự).

Thứ ba, thiếu sót trong công tác tuần tra, canh gác địa bàn và bảo vệ tài sản.

Thứ tư, thiếu sót trong quản lý đối với các cơ sở kinh doanh có điều kiện, dịch vụ văn hóa như khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng Karaoke, kinh doanh băng, đĩa hình, Internet.

2.4. Nguyên nhân trong hoạt động chống tội phạm và giáo dục, cải tạo phạm nhân nữ.

Những hạn chế, thiếu sót của các cơ quan tiến hành tố tụng trong công tác này đó là:

Thứ nhất, hạn chế trong công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm.

Thứ hai, trình độ của đội ngũ cán bộ các cơ quan tư pháp còn chưa đáp ứng với yêu cầu đấu tranh chống tội phạm trong tình hình mới.

Thứ ba, thiếu sót của các cơ quan tư pháp mới chỉ quan tâm đến việc phát hiện, điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự mà chưa quan tâm đúng mức đến việc phòng ngừa tội phạm, nhất là phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện.

Thứ tư, công tác thi hành án hình sự, công tác cải tạo và quản lý các đối tượng nữ đã phạm tội chưa tốt.

Chương 3

DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM DO NỮ GIỚI THỰC HIỆN Ở VIỆT NAM

3.1. Dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện

Trên cơ sở đánh giá diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2012 và sự thay đổi trong đời sống xã hội trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; văn hóa - giáo dục; tổ chức - quản lý và tình hình đấu tranh phòng, chống tội phạm đã tác động đến tội phạm nữ để có thể dự báo xu hướng vận động, thay đổi của tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam từ nay đến năm 2020 như sau:

1. Tội phạm do nữ giới thực hiện nói chung vẫn có xu hướng gia tăng với mức độ gia tăng bình quân bằng hoặc hơn giai đoạn trước. Nếu

có mức độ gia tăng bình quân năm bằng giai đoạn trước thì người phạm tội nữ ở Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2020 có thể dự báo như sau: Năm 2013 là 13.539 người; năm 2014 là 13.611 người; năm 2015 là 13.684 người; năm 2016 là 13.756 người; năm 2017 là 13.828 người; năm 2018 là 13.902 người; năm 2019 là 13.976 người; năm 2020 là 14.050 người.

2. Nhóm tội phạm do nữ giới thực hiện theo các chương tội phạm của Bộ luật hình sự trong những năm tiếp theo cũng giống như ở giai đoạn trước, trong đó có 4 nhóm tội chiếm tỉ lệ cao hơn cả theo thứ tự từ thứ nhất đến thứ tư như sau: Nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; nhóm tội phạm về ma túy; nhóm tội xâm phạm sở hữu; nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Về diễn biến của tội phạm do nữ giới thực hiện theo các chương tội phạm của Bộ luật hình sự vẫn tiếp tục vận động theo xu hướng tăng bằng hoặc cao hơn so với mức tăng bình quân năm của giai đoạn trước. Đặc biệt nhóm tội phạm về chức vụ có mức tăng cao nhất. Bởi những lí do sau: Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước chăm lo cho sự nghiệp tiến bộ của phụ nữ, phụ nữ ngày càng bình đẳng với nam giới và tham gia ngày càng tích cực vào các hoạt động kinh tế, xã hội, chính trị. Khi phụ nữ được tham gia quản lí xã hội nhiều hơn và trong điều kiện cơ chế giám sát còn thiếu chặt chẽ nhất là sự kiểm tra giám sát xã hội đối với nữ giới giảm đi thì cũng có thể có nhiều cơ hội thực hiện các tội phạm về kinh tế và chức vụ. Còn các nhóm tội phạm có xu hướng giảm là nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và nhóm tội phạm về ma túy. Các nhóm tội phạm này tuy có giảm nhưng không bền vững, bởi vì các mâu thuẫn trong xã hội đặc biệt là các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, mâu thuẫn cá nhân, mâu thuẫn trong gia đình; tình trạng thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn; tình trạng thất học, không được đào tạo nghề; người nghiện ma túy chưa giảm, tỉ lệ tái nghiện còn cao và do vị trí địa lí nước ta nằm gần với vùng

"tam giác vàng" nơi sản xuất các chất ma túy rất thuận lợi cho việc mua bán, vận chuyển ma túy vào nội địa. Các nhóm tội khác còn lại có diễn biến phức tạp tăng giảm hàng năm nhưng về cơ bản là không có biến động lớn.

3. Trong cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện chủ yếu vẫn là các tội như sau: Tội vận chuyển, tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy; tội chứa mại dâm, môi giới mại dâm; tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc; tội trộm cắp tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội mua bán người. Bởi vì, thất nghiệp lao động nữ ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn; tệ nạn xã hội chưa giảm: số người nghiện ma túy chưa giảm, tỉ lệ tái nghiện còn cao, nhu cầu về các chất ma túy rất lớn dẫn đến tình trạng mua bán, vận chuyển các chất ma túy ngày một gia tăng.

4. Diễn biến của người chưa thành niên phạm tội là nữ vận động theo xu hướng tăng bằng hoặc cao hơn so với mức độ tăng bình quân năm của giai đoạn trước (8%).

5. Nữ giới tham gia đồng phạm tăng đặc biệt là nhóm tội phạm có tổ chức thực hiện các loại tội phạm về ma túy, cờ bạc, mại dâm.

6. Địa bàn xảy ra tội phạm, nữ giới thực hiện tội phạm chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số địa phương như: Tây Ninh, Đồng Nai, Nghệ An, Sơn La, Kiên Giang, Quảng Ninh, Hải Phòng.

Dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở nước ta đến năm 2020 làm cơ sở cho việc đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện trong thời gian tới.

3.2. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm

Phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện là một bộ phận của hệ thống phòng ngừa tội phạm trong xã hội. Phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện bao gồm nhiều biện pháp theo nội dung của sự tác động phù hợp với các nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện, có thể được phân loại thành các biện pháp như sau:

3.2.1. Biện pháp về kinh tế - xã hội

Đây là biện pháp cơ bản hàng đầu vì nó loại trừ nguồn gốc của tội phạm do nữ giới thực hiện, mặt khác thực hiện tốt biện pháp này còn là cơ sở để giải quyết các vấn đề khác của xã hội. Cụ thể là cần tiến hành các biện pháp sau:

1. Đầu tư phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết ngày càng nhiều việc làm cho người lao động đặc biệt là lao động nữ.

2. Các giải pháp xóa đói giảm nghèo bền vững nhất là đối với những gia đình đông con có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

3. Khắc phục tác động tiêu cực từ quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

4. Các giải pháp hạn chế các tệ nạn xã hội. Đây là giải pháp có tính đặc thù để phòng ngừa nữ giới phạm tội. Bởi vì trong cơ cấu của tội phạm do nữ giới thực hiện ở nước ta trong những năm qua các tội phạm liên quan đến tệ nạn xã hội còn nhiều hơn tất cả các tội phạm khác cộng lại. Các tệ nạn xã hội như tệ nghiện ma túy, tệ mại dâm và các tệ nạn xã hội khác là những nhân tố tiêu cực có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện trong những năm qua. Do vậy việc thực hiện các biện pháp giúp đỡ những đối tượng nữ tham gia vào các tệ nạn xã hội như: đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho các đối tượng này (người nghiện nữ, gái mại dâm) cũng góp phần phòng ngừa tội phạm, làm giảm tội phạm do nữ giới thực hiện.

3.2.2. Biện pháp về văn hóa - giáo dục

Để khắc phục những yếu kém, hạn chế của hoạt động giáo dục nhằm phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện cần thực hiện tốt các biện pháp sau đây:

Một là, khắc phục những yếu kém trong hoạt động giáo dục trong gia đình.

Hai là, khắc phục những yếu kém trong hoạt động giáo dục ở nhà trường.

Ba là, khắc phục những yếu tố tiêu cực của môi trường xã hội ảnh hưởng xấu đến việc hình thành nhân cách cá nhân, đồng thời nâng cao

trình độ văn hóa, ý thức đạo đức, ý thức pháp luật của nữ giới để họ tự giác chấp hành tốt các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực pháp luật và không thực hiện tội phạm. Cụ thể là:

- Đổi mới các hình thức giáo dục, tuyên truyền pháp luật rộng rãi cho nhân dân.

- Thực hiện đồng bộ các biện pháp tư tưởng, văn hóa, thể thao, giải trí nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân đặc biệt là cho nữ giới.

- Các cơ quan chức năng phải kiểm soát, ngăn chặn sự du nhập các sản phẩm văn hóa có nội dung không lành mạnh kích động bạo lực, tình dục như đồ chơi, sách báo, băng đĩa hình, trò chơi điện tử từ nước ngoài vào nước ta.

- Đấu tranh chống bất bình đẳng giới.

Các biện pháp trên đây nếu được tổ chức thực hiện tốt sẽ có tác dụng loại trừ những yếu tố tiêu cực ở các ba môi trường giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội, góp phần hạn chế nguyên nhân của tội phạm ngăn ngừa nữ giới phạm tội.

3.2.3. Biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Biện pháp này hướng vào việc loại trừ các tình huống sống và các hoàn cảnh thuận lợi làm nảy sinh ý định phạm tội hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hành vi phạm tội bao gồm một số biện pháp cụ thể sau đây:

Một là, tăng cường quản lý con người trên địa bàn dân cư.

Hai là, thực hiện tốt công tác tuần tra.

Ba là, các biện pháp nhằm kiểm soát hành vi của đối tượng nữ giới nghi vấn và tác động ngăn chặn hành vi phạm pháp.

Bốn là, chính quyền cơ sở cần thường xuyên thực hiện các biện pháp cảnh báo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng ngừa tội phạm đối với người dân, doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn để họ không trở thành nạn nhân của tội phạm.

Năm là, các cơ quan chức năng cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhạy cảm.

3.2.4. Biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động chống tội phạm, hoạt động cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với phạm nhân nữ

3.2.4.1. Biện pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động chống tội phạm do nữ giới thực hiện

* Cơ quan Công an để nâng cao hiệu quả chống tội phạm do nữ giới thực hiện cần tiến hành các biện pháp sau đây:

Một là, cơ quan Công an cần phối hợp với Mặt trận tổ quốc và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tổ chức các hình thức khác nhau như đường dây nóng, hòm thư mật, thùng thư tố giác,... nhằm tạo điều kiện cho mọi người đều tích cực tham gia phát hiện, tố giác tội phạm.

Hai là, cơ quan Công an cần phối hợp chặt chẽ với cảnh sát các nước láng giềng để đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia mà có nữ giới tham gia nhiều như các tội phạm về ma túy, mại dâm, đánh bạc, buôn lậu, mua bán người.

* Cơ quan Viện kiểm sát để nâng cao hiệu quả hoạt động chống tội phạm nói chung và tội phạm do nữ giới thực hiện nói riêng cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, Nhà nước cần phải đổi mới tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát theo hướng bảo đảm cho Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động xét xử tại các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính.

Hai là, Viện kiểm sát nâng cao chất lượng kiểm sát điều tra. Viện kiểm sát cần phối hợp chặt chẽ với Công an để thực hiện tốt chức năng kiểm sát điều tra. Đối với những vụ án có nữ giới tham gia, Viện trưởng viện kiểm sát nên phân công kiểm sát viên là người am hiểu về nữ giới phạm tội.

Ba là, thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử các vụ án do nữ giới thực hiện đạt kết quả tốt.

Bốn là, tăng cường kiểm sát thi hành án hình sự nhất là đối với việc thi hành các bản án, quyết định của tòa án về tội phạm do nữ giới thực hiện.

* Cơ quan Tòa án để nâng cao hiệu quả hoạt động chống tội phạm nói chung và tội phạm do nữ giới thực hiện nói riêng cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, Tòa án các cấp cần phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng để đưa ra xét xử toàn bộ các vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án do nữ giới thực hiện thuộc thẩm quyền xét xử của mình kịp thời, trừng phạt nghiêm minh đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và hạn chế mức thấp nhất án bị hủy, án cải sửa, án tồn đọng.

Hai là, cơ quan Tòa án cần tăng cường xét xử lưu động tại các địa phương nơi xảy ra tội phạm do nữ giới thực hiện.

Ba là, Tòa án kiến nghị sửa chữa những khuyết điểm trong công tác quản lí.

Bốn là, tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy và tổ chức cán bộ tòa án các cấp nhất là nâng cao năng lực cấp huyện để tất cả các tòa án cấp huyện có thể thực hiện thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự.

Năm là, Tòa án cần áp dụng nhiều hơn hình phạt không tước tự do, kể cả hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

3.2.4.2. Biện pháp nâng cao hiệu quả cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với người phạm nhân nữ

Để nâng cao hiệu quả công tác cải tạo phạm nhân nữ cần thực hiện những giải pháp sau đây:

Một là, thành lập trại giam phạm nhân nữ riêng.

Hai là, trại giam cần thực hiện tốt hoạt động giáo dục văn hóa cho phạm nhân nữ.

Ba là, trại giam cần thực hiện tốt việc đào tạo nghề cho phạm nhân nữ.

Bốn là, trại giam thực hiện tốt chế độ lao động cho phạm nhân nữ.

Năm là, trại giam cần mở rộng hơn chế độ gặp thân nhân và chế độ liên lạc cho phạm nhân.

Sáu là, trại giam cần thực hiện tốt việc chuẩn bị trả lại tự do cho phạm nhân nữ.

Bảy là, gia đình, chính quyền xã phường nơi phạm nhân nữ cư trú và các đoàn thể nhất là hội phụ nữ cần giúp đỡ phạm nhân nữ tái hòa nhập cộng đồng ổn định cuộc sống sau một khoảng thời gian xa cách.

KẾT LUẬN

Phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp do các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và công dân thực hiện nhằm hạn chế hoặc loại trừ các nguyên nhân của tội phạm, không để tội phạm xảy ra. Để đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện có tính khoa học và hiệu quả đòi hỏi phải nghiên cứu đánh giá tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện; nguyên nhân nữ giới phạm tội và dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện trong những năm tiếp theo.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam trong giai đoạn 2003 - 2012; các nguyên nhân của tội phạm do nữ giới thực hiện và dự báo tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở nước ta đến 2020, chúng tôi đưa ra bốn nhóm biện pháp cơ bản để phòng ngừa tội phạm do nữ giới thực hiện như sau:

- Phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế sự tác động của các yếu tố tiêu cực nảy sinh từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhằm loại trừ ảnh hưởng của tình trạng đói nghèo, nạn thất nghiệp; tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và của tệ nạn xã hội.

- Phát triển giáo dục - đào tạo và hạn chế những yếu kém của hoạt động giáo dục, đào tạo nhằm loại trừ điều kiện không thuận lợi trong các

môi trường gia đình, nhà trường và môi trường xã hội khác đã ảnh hưởng xấu đến hình thành nhân cách người phạm tội nữ; đồng thời nâng cao văn hóa nói chung và văn hóa pháp lý của nữ giới, tạo ra một cơ chế được đảm bảo vững chắc để ngăn chặn việc tiếp thu những quan điểm lệch lạc; nhằm nâng cao ý thức tự giác, tính kỷ luật của nữ giới, làm cho tất cả nữ giới chấp hành tốt các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực pháp luật và không thực hiện tội phạm.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực nhằm loại trừ các hoàn cảnh, tình huống đã tạo cơ hội thuận lợi cho việc hình thành động cơ, ý đồ phạm tội và thực hiện tội phạm của nữ giới; đồng thời cảnh báo các tổ chức và mọi người không tạo sở hở trở thành nạn nhân của tội phạm.

- Nâng cao hoạt động chống tội phạm, hoạt động cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với phạm nhân nữ nhằm phòng ngừa tội phạm chung và phòng ngừa nữ giới tái phạm.